Họ và tên:........................................... Lớp:..........................

**KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN LẦN 1 HKI - KHỐI 10**

**Đọc văn bản sau:**

**NỮ OA TẠO RA LOÀI NGƯỜI**

*(Lược một đoạn: Nữ Oa là vị thần được dân gian sùng bái như một vị thần thủy tổ của loài người đã sáng tạo ra thế giới, vạn vật, kì tích nổi tiếng nhất của bà là luyện đá vá trời và nặn đất tạo ra loài người,…)*

*Khi ấy, trời đất mới sinh, đã có cây cỏ, muôn thú mà chưa có loài người. Thế giới giống như một bức tranh buồn tẻ. Đi giữa thế giới hoang sơ, buồn tẻ ấy là vị đại thiên thần, chính là Nữ Oa. Lúc ấy, bà cảm thấy buồn chán, cô độc bèn nghĩ rằng cần phải tạo ra một cái gì đó cho thế giới này thêm vui tươi, giàu sức sống. Bà nghĩ ngợi hồi lâu, rồi đến bên đầm nước, lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, mô phỏng theo hình dáng của mình in bóng trên mặt nước mà nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.*

*Lạ thay, vừa đặt xuống mặt đất, đồ vật xinh xắn ấy bỗng dưng có sức sống, cất tiếng nói trong trẻo, nhảy múa, vui đùa. Đồ vật xinh xắn ấy gọi là “Người”. “Người” được bàn tay nữ thần tạo ra, không giống các loài muông thú bởi được mô phỏng từ hình dáng của vị nữ thần. Nữ Oa vô cùng thích thú, hài lòng về sản phẩm do mình vừa tạo ra, bèn tiếp tục dùng đất bùn màu vàng hòa nhuyễn với nước nhào nặn ra rất nhiều người, trai có, gái có. Nhìn những con người vui đùa, cười nói xung quanh mình, Nữ Oa cảm thấy vui vẻ hẳn lên, không còn cô độc, buồn bã nữa.*

*Nhưng mặt đất hoang sơ vô cùng rộng lớn, bà làm việc không ngừng nghỉ trong một thời gian rất lâu mà mặt đất vẫn trống trải. Bà cứ miệt mài làm việc, làm tới lúc mỏi mệt lắm rồi mà mặt đất vẫn trống trải quá. Bà bèn nghỉ ra một cách, lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp phía. Người thì bảo bà dùng một sợi dây thừng, nhưng hồi đó làm gì có dây thừng, có lẽ bà đã dùng một sợi dây lấy từ một loài cây dây leo. Khi bà vung sợi dây dính đầy thứ bùn từ đất vàng đó lên, các giọt bùn đất màu vàng bắn đi khắp nơi, rơi xuống đất liền biến thành người, cười nói, chạy nhảy. Thế là mặt đất trở nên đông đúc bao nhiêu là người.*

 *(Trích “Nữ Oa”, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009).*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Xác định thể loại của văn bản trên:

1. Cổ tích B. Truyền thuyết C. Thần thoại D. Sử thi

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận B. Tự sự C. Miêu tả D. Biểu cảm

**Câu 3:** Theo đoạn trích, nhân vật Nữ Oa xuất hiện trong bối cảnh (thời gian, không gian) như thế nào?

 A. Trời đất mới sinh, đã có loài người nhưng chưa có cỏ cây muôn thú.

 B. Trời đất mới sinh, đã có cỏ cây muôn thú, mà chưa có loài người.

 C. Trời đất mới sinh, chỉ có Nữ Oa cũng một số vị thần như thần Lửa, thần Nước.

 D. Trời đất mới sinh, có cỏ cây muôn thú và các vị thần Lửa, thần Nước.

**Câu 4:** Phương án nào sau đây đúng và đủ các sự kiện chính trong đoạn trích Nữ Oa?

 A. Nữ Oa tạo ra loài người.

 B. Nữ Oa bênh vực loài người, Nữ Oa trừng phạt thần Lửa và thần Nước.

 C. Nữ Oa yêu thương con người, Nữ Oa tạo ra loài người.

 D. Nữ Oa luyện đá vá trời, giúp đỡ loài người.

**Câu 5:** Đoạn trích Nữ Oa thể hiện nội dung nào dưới đây?

 A. Biết ơn người có công tạo ra vạn vật và con người.

 B. Tôn vinh người anh hùng.

 C. Thương xót con người bé nhỏ.

 D. Khâm phục vị nữ thần tài giỏi.

**Câu 6:** Nữ Oa đã tạo ra con người bằng cách nào?

 A. Lấy bùn đất màu vàng bên bờ đầm, trộn nhuyễn với nước, nặn thành đồ vật xinh xắn, đáng yêu.

 B. Lấy một sợi dây, nhúng vào trong nước bùn, vung lên khắp phía.

 C. Lấy đất sét nặn thành hình người, dùng nước đầm để rửa sạch.

 D. Lấy đất màu vàng bên bờ sông, trộn nhuyễn với cát, nặn thành hình đồ vật xinh xắn, đáng yêu.

**Câu 7:**  Nhân vật Nữ Oa hội tụ những vẻ đẹp gì?

 A. Vẻ đẹp sức mạnh và cảm xúc. B. Vẻ đẹp thể chất và ước mơ.

C. Vẻ đẹp trí tuệ và tình cảm. D. Vẻ đẹp sức mạnh và trí tuệ.

**Câu 8:** Vì sao Nữ Oan quyết định tạo ra con người trên thế gian.

1. Vì thế gian buồn tẻ hoang sơ . B. Bà cảm thấy buồn chán, cô đơn.
2. Bà thích thế gian vui tươi, nhiều sức sống. D. Tất cả các ý trên.

**Câu 9:** Anh/ chị hãy rút ra thông điệp từ văn bản trên.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Câu 10:** Chỉ ra, xác định cách đánh dấu phần bị tỉnh lược trong văn bản trên.

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................